

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2023

*“Về việc ly hôn, yêu cầu hủy kết hôn trái
pháp luật”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Bích Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim H, sinh năm 1967.

ĐKKHKT và cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn Y1, huyện Y1, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967.

ĐKKHKT và hiện cư trú: Đội 9, thôn B, xã B1, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ UBND xã B1, thành phố HD. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn V – Chủ tịch UBND xã B1, thành phố HD.

+ Bà Phan Thị V1, sinh năm 1973; ĐKKHKT và hiện cư trú: Đội 9, thôn B, xã B1, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim H, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình T được tự do tìm hiểu khoảng 2 năm thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện Y1, tỉnh Vĩnh Phúc) ngày 18/6/1987. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ năm 1994 cho đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Trong

thời gian ly thân, ngày 16/6/2011 ông T đã đăng ký kết hôn với bà Phan Thị V1 là không đúng quy định của pháp luật. Bà xác định tình cảm với ông T không còn, do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T và hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông T và bà V1.

Tại đơn đề nghị ngày 06/6/2023, bà H có quan điểm, do bà và ông T ly thân đã lâu và quyết định ly hôn không chung sống cùng nhau nữa nên xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông T và bà V1; Bà và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/3/1988 và Nguyễn Thị Kim A1, sinh ngày 10/11/1989. Các cháu đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng bà không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên. Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của bị đơn ông Nguyễn Đình T, thể hiện: Ông và bà H kết hôn ngày 18/6/1987. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu 3 tháng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Lạc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1994 đến nay, ông đã đi làm xa nhiều năm rồi về Hải Dương sinh sống, ông gặp bà Phan Thị V1 và chung sống cùng bà V1 sinh được hai con là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 13/6/2002 và Nguyễn Thị C1, sinh ngày 23/11/2005. Để hoàn thiện các thủ tục cho con đi học, ông về D, Yên Lạc, Vĩnh Phúc xin xác nhận tình trạng hôn nhân đã khai chưa kết hôn với ai. UBND xã D đã cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho ông sau đó ông và bà V1 đến UBND xã B1 đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2011. Ông xác định tình cảm với bà H không còn, bà H xin ly hôn, ông đồng ý. Thực tế ông và bà H không còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau được nên đã sống ly thân từ năm 1994, hiện ông và bà V1 sinh sống hạnh phúc nên không đồng ý với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà H. Trường hợp Tòa án xác định việc đăng ký kết hôn giữa ông và bà V1 không đúng quy định pháp luật đề nghị giải quyết theo quy định. Ông xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phan Thị V1 thể hiện: bà và ông T được UBND xã B1 đăng ký kết hôn đúng quy định, sinh sống hạnh phúc nên không đồng ý với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà H. Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

UBND xã B1, thành phố HD xác định: Ngày 16/6/2011, UBND xã B1 có nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V1 gồm: Tờ khai đăng ký kết hôn, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân xác nhận ông T chưa kết hôn với ai của UBND xã D. Sau khi kiểm tra UBND đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V1 vào ngày 16/6/2011 theo đúng quy định. Đối với yêu cầu về việc đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông T, bà V1 cũng như trường hợp bà H rút yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 217, 244, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Kim H, xử cho bà Hoàng Thị Kim H ly hôn ông Nguyễn Đình T. Đình chỉ yêu cầu của bà Hoàng Thị Kim H về việc đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V1. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Đình T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã B1, thành phố HD. Bà H, đại diện theo pháp luật cho UBND xã B1, ông T, bà V1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

- *Về yêu cầu ly hôn:* Bà H, ông T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện Y1, tỉnh Vĩnh Phúc) ngày 18/6/1987. Do vậy, quan hệ hôn nhân của bà H, ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, thù yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1994 đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Bà H xin ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy bà H, ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà H ly hôn ông T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- *Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:* Bà H và ông T kết hôn ngày 18/6/1987 tại UBND xã S, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện Y1, tỉnh Vĩnh Phúc) ngày 18/6/1987, vợ chồng chưa ly hôn, ngày 16/6/2011, ông T kết hôn với bà Phan Thị V1 tại UBND xã B1, thành phố HD. Ông T đang có vợ là bà H nhưng lại kết hôn với bà V1 là vi phạm quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (nay là điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân gia đình 2014). Tuy nhiên ngày 06/6/2023, bà H có đơn rút yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông T và bà V1, việc rút đơn của bà H là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:*

Ông T, bà H có hai con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/3/1988 và Nguyễn Thị Kim A1, sinh ngày 10/11/1989, các con đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T, bà V1 có hai con chung là Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 13/6/2002 và Nguyễn Thị C1, sinh ngày 23/11/2005. Bà H rút yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật nên không phải xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Bà H phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 217, 244, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim H. Xử cho bà Hoàng Thị Kim H ly hôn ông Nguyễn Đình T.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Hoàng Thị Kim H về việc đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Đình T và bà Phan Thị V1.

3. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001903 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan